TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **---**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: **36**/2018/KDTM-PT
Ngày: 26/3/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nga
Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
: Bà Ngô Thị Hạnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 149/2017/TLPT ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân quận LB bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67 ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP QTVN
Trụ sở: Tòa nhà ConnerStone, số 16 PCT, quận HK, Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông HNV – Tổng Giám đốc Ngân hàng
Đại diện theo ủy quyền:
1. Ông Nguyễn Đức V– Sinh năm: 1985, Chuyên viên phòng thu hồi nợ
2. Ông Nguyễn Đức T– Sinh năm 1957, Chuyên viên phòng thu hồi nợ

(Theo Giấy ủy quyền số: 149/2014/UQ-VIB ngày 13/3/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng và Giấy ủy quyền số 533/2014/UQ-VIB ngày 26/6/).

(Ông V có mặt, ông T vắng mặt)

*** Bị đơn**: Công ty CP GSVN
Trụ sở: Số 10 ngách 2/47 phố BĐ, phường BĐ, quận LB, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc T – Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T – Sinh năm: 1979, Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Địa chỉ nơi ở: số 19 ngách 25, ngõ TP, quận ĐĐ, Hà Nội.
(Theo Giấy ủy quyền số 17/UQ_GS ngày 17/3/2015 của Tổng Giám đốc công ty)

(Ông T có mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị S– Sinh năm: 1961
2. Anh Nguyễn Đăng L– Sinh năm: 1982

Cùng trú tại: Số 39 ngõ 230, tổ dân phố số 3, MTT, phường MT, quận NTL , TP. Hà Nội

(Bà S có mặt, anh L vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QTVN do ông Nguyễn Đức V và ông Nguyễn Đức T đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 24/5/2012, Ngân hàng TMCP QTVN(Chi nhánh HBT) ký hợp đồng tín dụng số 120028/HĐTD2 – VIB12/12 với Công ty Cổ phần GSVN (viết tắt là Công ty GS) với nội dung: hạn mức vay ngắn hạn 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh máy móc, thiết bị ngành điện; lãi suất vay áp dụng xác định tại từng thời điểm giải ngân theo từng khế ước nhận nợ bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB + biên độ lãi suất theo quy định tại từng thời kỳ. Ngân hàng đã giải ngân 1.800.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số 120028.2/HĐTD2 – VIB12/12 ngày 22/11/2012 giải ngân số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) trong thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 22/11/2012 đến ngày 22/5/2013; lãi suất vay là 14,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.
- Khế ước nhận nợ số 120028.3/HĐTD2 – VIB12/12 ngày 27/11/2012 giải ngân số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) trong thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 27/11/2012 đến 27/5/2013; lãi suất vay là 14,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.

Công ty GS đã nhận đủ 1.800.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Để đảm bảo cho khoản vay của công ty CP GS, hộ gia đình bà Nguyễn Thị S (gồm bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng L) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 150, 150(2), tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ xã MT, huyện TL, TP. Hà Nội (nay là quận Nam TL, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 301372, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H1879/QSDĐ/1391/QĐ-UBND do UBND huyện TL, Hà Nội cấp ngày 25/4/2008. Tài sản đảm bảo trên đã được các bên ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba là cá nhân số công chứng: 708/2012, quyển số 02 TP/CC – SCC/HĐTC ngày 21/5/2012 tại Văn phòng công chứng HĐ, Hà Nội và việc thế

chấp này đã tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TL, Hà Nội ngày 22/5/2012.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty GS đã thanh toán nợ cụ thể như sau:

+Đối với Khế ước nhận nợ số 120028.2/HĐTD2, thanh toán nợ gốc là 20.034.827 đồng và bị chuyển nợ quá hạn vào 20/3/2013. Tính đến ngày 31/03/2017, GS còn nợ tổng cộng là 1.842.309.721 đồng trong đó 979.965.173 đồng nợ gốc, 805.556 đồng lãi trong hạn, 861.538.992 đồng lãi quá hạn. (I)

+ Khế ước nhận nợ số 120028.3/HĐTD2: công ty GS không thanh toán được khoản tiền nợ gốc và lãi nào và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 20/02/2013. Tính đến ngày 31/03/2017 thì khoản nợ phát sinh tổng cộng là 1.480.855.556 đồng trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.255.556 đồng và lãi quá hạn 687.600.000 đồng. (II)

Tổng cộng hai khoản là: 3.388.174.245 đồng (ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, một trăm bẩy mươi tư ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.779.965.173 đồng và lãi trong hạn là 67.800.043 đồng và nợ lãi quá hạn 1.540.049.029 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty GS trả nợ nhưng công ty vẫn không trả được toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Về cách tính lãi, hợp đồng có quy định lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn đã thỏa thuận giữa hai bên nhưng ngân hàng hiện nay vẫn tính lãi cho GS mức lãi trong hạn chậm trả, không tính ở mức 150% lãi suất quá hạn, không tính phí phạt (mặc dù hợp đồng có thỏa thuận).

* Do công ty GS không thanh toán được các khoản nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Buộc Công ty GS phải trả cho ngân hàng toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 31/3/2017 là 3.388.174.245 đồng (ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, một trăm bẩy mươi tư ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.779.965.173 đồng và lãi trong hạn là 67.800.043 đồng và nợ lãi quá hạn 1.540.049.029 đồng.

- Buộc Công ty CP GSVN tiếp tục trả cho ngân hàng các khoản lãi phát sinh theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/4/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trong trường hợp Công ty CP GSVN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết của Tòa án, ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo trên để xử lý thu hồi nợ.

*** Tại các bản tự khai, bị đơn là Công ty CP GSVN do ông Vũ Anh T đại diện theo ủy quyền trình bày**: Ông xác nhận việc Công ty GS ký có kết hợp đồng tín dụng như ngân hàng đã trình bày. Công ty xác nhận ngân hàng đã chuyển đủ tiền vay cả hai đợt tổng cộng 1.800.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản, ghi nợ tài khoản của GS và ghi có tài khoản Công ty cổ phần tư vấn và du lịch TL là đối tác kinh doanh của GS do hai bên có hợp đồng mua bán hàng hóa vật tư với nhau. Hợp đồng này do ông VA -là bạn cùng cơ quan cũ của anh T, đứng ra giao dịch trung gian giữa hai công ty. Về hoạt động của Công ty GS: Để phát triển sản xuất và kinh doanh, Công ty GS có chủ trương huy động vốn của các thành phần trong xã hội có nguyện vọng, tự nguyện góp vốn cùng để kinh doanh. Qua trao đổi với ông Nguyễn VA – cán bộ kinh doanh của công ty TNHH nhà nước MTV chiếu sáng và thiết bị đô thị (Hapulico) ở địa chỉ: Số 30 HBT, Hà Nội; ông VA đã giới thiệu bà Nguyễn Thị S có nguyện vọng muốn đóng góp vốn vào Công

ty GS để cùng kinh doanh. Được sự thống nhất của các cổ đông, Công ty GS đã làm các thủ tục pháp lý để bổ sung tên bà Nguyễn Thị S vào danh sách cổ đông của công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0104153018, thay đổi lần thứ nhất ngày 20/01/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp). Sau khi bổ sung, Công ty GS có yêu cầu bà S đóng góp vốn vào công ty theo đúng trình tự góp vốn. Tại thời điểm đó, bà S chưa có đủ tiền mặt để góp vốn, bà S có ý định thế chấp đất để vay vốn ngân hàng và lấy tiền đó để góp vốn vào công ty. Ngày 21/5/2012, Ngân hàng TMCP QTVN đã chấp nhận cho vay số tiền là 1.800.000.000 đồng và hai bên đã ký kết hợp đồng. Sau đó, Công ty CP GSVN đã làm thủ tục để ông Nguyễn VA trực tiếp ra rút tiền mặt tại ngân hàng để nộp vào quỹ tiền của Công ty GS. Tuy nhiên, ông VA đã không về công ty để nộp tiền góp vốn theo đúng thỏa thuận. Công ty nhiều lần liên hệ với ông VA nhưng không được. Hiện Công ty không biết thông tin gì về ông VA . Nay ngân hàng khởi kiện, Công ty xác nhận không có khả năng thanh toán nợ với ngân hàng nên Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, công ty không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Vũ Anh T thay đổi một phần lời trình bày như sau:

Ông Tú có nghe nói lại là sau khi Công ty cổ phần tư vấn và du lịch TL nhận được tiền thì ông VA đã đi rút tiền mặt, nhưng sau đó lại không tiếp tục hợp tác kinh doanh với GS mà bỏ đi đâu không rõ. Việc trước đây ông có khai GS đã làm thủ tục để ông Nguyễn VA trực tiếp ra rút tiền mặt tại VIB để nộp vào quỹ tiền của Công ty CP GSVN là không chính xác do thời gian cũng đã lâu nên ông không nhớ rõ.

Nay ngân hàng kiện đòi nợ ông T xác định trách nhiệm trả nợ của GS là đúng, do kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên công ty đã vi phạm hợp đồng tín dụng với ngân hàng, đề nghị HĐXX xét xử theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng L thống nhất trình bày:

Bà xác nhận bà và anh L có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên bà để đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS như ngân hàng trình bày là đúng. Việc ký hợp đồng thế chấp, bà và anh L hoàn toàn tự nguyện và đã ký trước mặt công chứng viên. Việc bảo lãnh vay vốn cho Công ty là do xuất phát từ việc gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên cần vay vốn, nhưng vay với tư cách cá nhân thì không chứng minh được điều kiện tài chính trả nợ. Vì vậy, theo anh Nguyễn VA là cháu họ của bà S, thì cần có công ty đứng ra thì ngân hàng mới cho vay tiền. Bà nghĩ rằng sau khi dùng tài sản nhà đất của mình bảo lãnh cho công ty thì sẽ nhận được tiền vay nhưng sau khi thế chấp xong thì bà và anh L không nhận được tiền, hiện nay bà cũng không biết được thông tin gì của anh VA cả. Về nhà đất thế chấp, xác định từ trước đến nay chỉ có bà S và anh L quản lý, sử dụng và trực tiếp ở. Từ khi thế chấp đến nay không có cơi nới, sửa chữa gì thêm.

Nay ngân hàng khởi kiện, bà S yêu cầu Tòa án buộc Công ty GS có trách nhiệm trả các khoản nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp Công ty GS không trả được, bà và anh L thống nhất thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo hợp đồng thế chấp.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân quận LB đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TCMP QTVN. Buộc Công ty GS phải thanh toán tổng số tiền là 3.388.174.245 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn cho Ngân hàng.

- Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa thanh toán khoản nợ nêu trên, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp mà bà S và anh L đã ký với ngân hàng ngày 21/5/2012.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10/5/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S đã làm đơn và nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Ngân hàng TMCP QTVN vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên Công ty GS phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, cụ thể: 3.3883174.245 đồng. Trường hợp Công ty GS không trả được khoản tiền nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà bà S và anh L đã ký với ngân hàng để đảm bảo cho khoản nợ của Công ty GS. Việc bà S, anh L ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Công ty GS không trả được nợ thì bà S, anh L phải thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS.

- Đại diện Công ty GS là ông Vũ Anh T trình bày: Công ty GS xác nhận Công ty có ký hợp đồng tín dụng như ngân hàng đã trình bày. Thực tế, số tiền Công ty đã được ngân hàng giải ngân nhưng toàn bộ số tiền này Công ty đã thanh toán cho Công ty TL. Việc bà S, anh L trao đổi, thỏa thuận như thế nào công ty không nắm được. Tuy nhiên, bà S, anh L đã ký hợp đồng thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty, khi ký kết hợp đồng thế chấp, bà S, anh L hoàn toàn minh mẫn, tự nguyện. Nay, công ty không có khả năng thanh toán nợ đối với ngân hàng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận thế chấp tài sản là nhà đất của bà và anh L. Việc ký hợp đồng thế chấp là do bà tự nguyện, nhưng bà không đọc nội dung hợp đồng vì bà cho rằng bà bị ông VA lừa gạt ký hợp đồng thế chấp. Về việc bà bị lừa, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và để nộp cho bà. Bà đã có đơn gửi cơ quan công an nhưng chưa được trả lời. Bà đề nghị Công ty GS vay tiền thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Bà không chấp nhận lấy nhà đất của bà để đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Hợp đồng tín dụng ký kết giữa ngân hàng và Công ty GS là đúng quy định của pháp luật và có hiệu lực thi hành. Các đương sự không có ý kiến gì nên bản án sơ thẩm quyết định buộc Công ty GS phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Xét hợp đồng thế chấp: Việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, có công chứng và đã đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hợp pháp. Theo nội dung hợp đồng thế chấp,bà S, anh L thống nhất lấy tài sản là nhà đất của mình theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS. Bà S cho rằng mẹ con bà không đọc hợp đồng thế chấp là trách nhiệm của bà và anh L. Bà cho rằng bà bị lừa nhưng không đưa ra được các căn cứ chứng minh. Vì vậy, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ gia đình bà S là đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp và phù hợp quy định tại điều 319, khoản 7 điều 351, 355 Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, kháng cáo của bà S là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xem xét toàn diện bản án sơ thẩm thấy tại phần quyết định của bản án sơ thẩm có sự sai sót về cách tuyên, cụ thể là cách tính lãi xuất trong hạn. Vì vậy, cần phải sửa bản án sơ thẩm về việc này. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm như vừa phân tích nêu trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

- Ngân hàng TMCP QTVNkhởi kiện buộc Công ty GS thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và Công ty GS ngày 24/5/2012 là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 30 Luật tố tụng dân sự. Trụ sở bị đơn là Công ty GS tại địa chỉ: số 10, ngách 2/47 phố BĐ, Q. LB, Hà Nội, theo quy định tại điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận LB thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Ngày 26/4/2017, Tòa án nhân dân quận LB xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10/5/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án. Kháng cáo của bà S nằm trong thời hạn luật định, bà S đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định tại điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân TP Hà Nội thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung kháng cáo.

Bà S kháng cáo bản án sơ thẩm không chấp nhận phát mại tài sản của mẹ con bà, bà yêu cầu Công ty GS phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng với lý do: gia đình bà gặp khó khăn về kinh tế nên cần vay vốn, nghe theo lời của ông VA bà mới thế chấp tài sản là nhà đất của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty

GS. Thực tế, bà chưa nhận được đồng tiền nào từ ngân hàng, bà cho rằng bà bị Công ty GS và ông VA lừa nên không có nghĩa vụ phải bảo lãnh cho khoản vay của Công ty GS mà công ty phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ngân hàng.

Xét kháng cáo của bà S, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 24/5/2012, ngân hàng và Công ty GS đã ký hợp đồng tín dụng số 120028, theo đó Ngân hàng cho Công ty GS vay 1.800.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất: thả nổi, xác định tại từng thời điểm giải ngân theo từng khế ước nhận nợ bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cộng biên độ theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh máy móc, thiết bị.

Để đảm cho khoản vay trên, ngày 21/5/2012, bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Đăng L có ký kết với ngân hàng hợp đồng thế chấp (có công chứng) về việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là: thửa đất số 150, 150(2), tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ xã MT, huyện TL, TP. Hà Nội (nay là quận Nam TL, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 301372, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H1879/QSDĐ/1391/QĐ-UBND do UBND huyện TL, Hà Nội cấp ngày 25/4/2008 mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị S.

Theo khế ước nhận nợ số 120028.2 ngày 22/11/2012 và khế ước nhận nợ số 120028.3 ngày 27/11/2012 thì ngân hàng đã giải ngân và Công ty GS đã nhận nợ ngân hàng với tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng.

Theo phiếu giải ngân số 20444762 ngày 22/11/2012 và số 20514728 ngày 27/11/2012 thì ngân hàng đã lần lượt giải ngân số tiền là 1.000.000.000 đồng và 800.000.000 đồng cho công ty Cổ phần GS.

Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nội dung hợp đồng tín dụng, đã chuyển cho Công ty GS số tiền 1.800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng. Tại Tòa án, bị đơn là Công ty GS cũng thừa nhận ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.800.000.000 đồng.

Về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng của Công ty GS: Tài liệu hồ sơ thể hiện:

+Đối với Khế ước nhận nợ số 120028.2/HĐTD2, Công ty đã thanh toán 20.034.827 đồng nợ gốc và bị chuyển nợ quá hạn vào 20/3/2013.

+ Khế ước nhận nợ số 120028.3/HĐTD2: công ty GS không thanh toán được khoản tiền nợ gốc và lãi nào và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 20/02/2013.

Như vậy, Công ty GS đã vi phạm hợp đồng tín dụng về thời hạn và nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về buộc Công ty phải thanh toán khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về việc tính lãi của ngân hàng:

Các bên có thỏa thuận lãi suất vay là 14,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này của đương sự là phù hợp quy định của pháp luật. Về tiền lãi cụ thể như sau:

Theo khế ước nhận nợ số 120028.2 ngày 22/11/2012, tính đến ngày 31/3/2017 thì tiền gốc quá hạn còn lại là 979.965.173 đồng, lãi trong hạn 27.200.043 đồng, lãi quá hạn: 861.809.029 đồng.

Theo khế ước nhận nợ số 120028.03 ngày 27/11/2012, tính đến ngày 31/3/2017, thì tiền gốc quá hạn còn là: 800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 40.600.000 đồng, lãi quá hạn: 678.600.000 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 31/3/2017 là: 3.388.174.245 đồng.

Đối với yêu cầu của ngân hàng về việc trường hợp bị đơn không thanh toán được các khoản nợ theo yêu cầu, ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy:

Theo hợp đồng thế chấp được ký kết ngày 21/5/2012 giữa bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Đăng L và ngân hàng công chứng tại Văn phòng công chứng HĐ) thể hiện: bà S, anh L đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là: thửa đất số 150, 150(2), tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ xã MT, huyện TL, TP. Hà Nội (nay là quận Nam TL, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 301372, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H1879/QSDĐ/1391/QĐ-UBND do UBND huyện TL, Hà Nội cấp ngày 25/4/2008 mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị S để đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS. Tại điều 4 hợp đồng thế chấp thể hiện: Các bên thỏa thuận tài sản thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ ngay sau khi phát sinh một trong các trường hợp sau đây: Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và các văn bản khác đã ký với VIB.

Như vậy, nội dung của hợp đồng thế chấp đã thể hiện ý chí của bên thế chấp về việc dùng tài sản của mình đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS nên Công ty GS không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản để thu hồi nợ. Nhà đất trên là tài sản của hai mẹ con bà S. Việc xác lập hợp đồng thế chấp đã làm đúng thủ tục theo luật định, các bên hoàn toàn tự nguyện, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và phát sinh nghĩa vụ của người bảo lãnh theo yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Tại bản khai ở Tòa án, bà S, anh L vẫn khẳng định việc ký hợp đồng là tự nguyện, không bị ép buộc. Bà S kháng cáo cho rằng do gia đình bà gặp khó khăn về kinh tế nên cần vay vốn, nghe theo lời của ông VA bà mới thế chấp tài sản là nhà đất của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty GS. Thực tế, bà chưa nhận được đồng tiền nào từ ngân hàng, bà cho rằng bà bị Công ty GS và ông VA lừa nên không có nghĩa vụ phải bảo lãnh cho khoản vay của Công ty GS mà công ty phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ngân hàng, tuy nhiên bà không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc này nên Tòa án không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà.

Từ những phân tích trên, thấy: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị S là không có

cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm thấy: Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm có ghi: Các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

+Khế ước nhận nợ số 120028.2/HĐTD2-VIB12/12 ngày 22/11/2012: Tính đến ngày 31/03/2017 khoản nợ phát sinh tổng cộng là 1.842.309.721 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm hai mươi mốt đồng), trong đó 979.965.173 đồng nợ gốc, 805.556 đồng lãi trong hạn, 861.538.992 đồng lãi quá hạn. (I)

+ Khế ước nhận nợ số 120028.3/HĐTD2-VIB12/12 ngày 27/11/2012: Tính đến ngày 31/03/2017 thì khoản nợ phát sinh tổng cộng là 1.480.855.556 đồng (một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.255.556 đồng và lãi quá hạn 687.600.000 đồng. (II)

Tổng cộng hai khoản là: **3.388.174.245** đồng (*ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, một trăm bảy mươi tư ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng)*, trong đó nợ gốc là 1.779.965.173 đồng và lãi trong hạn là 67.800.043 đồng và nợ lãi quá hạn 1.540.049.029 đồng.

Nội dung trên của bản án sơ thẩm là không chính xác đối với việc xác định tiền lãi trong hạn nên cần phải sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân quận LB, Hà Nội.

Căn cứ: Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 38, điều 147, khoản 2 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; Khoản 2 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần GSVN phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN tổng số tiền 3.388.174.245 đồng (ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng) trong đó:

Nợ gốc: 1.779.965.173 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng)

Lãi trong hạn: 67.800.043 đồng (Sáu mươi bảy triệu, tám trăm nghìn không trăm bốn mươi ba đồng)

Lãi quá hạn: 1.540.049.029 đồng (Một tỷ, năm trăm bốn mươi triệu, bốn mươi chín nghìn, hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần GSVN phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

2. Trường hợp Công ty cổ phần GS không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP QTVN có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 150, 150(2), tờ bản đồ số 18, địa chỉ xã MT, huyện TL, TP. Hà Nội (nay là quận Nam TL, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 301372, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H1879/QSDĐ/1391/QĐ-UBND do UBND huyện TL, Hà Nội cấp ngày 25/4/2008 mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị S.

- Những người đang ở và sinh sống tại địa chỉ nhà đất cùng bà Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Đăng L phải di chuyển để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền thiếu.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần GS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 99.763.485 đồng (Chín mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 38.800.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008796 ngày 06/01/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự quận LB, Hà Nội

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000

đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005376 ngày 23/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận LB, Hà Nội.

3. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND Q. LB;*
- *Chi cục THA DS quận LB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;V.phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Nga

hai mươi tám đồng). Số tiền lãi này công ty Trường An tính là 9%/năm kể từ thời điểm công ty T-B đối chiếu công nợ cuối cùng đến ngày Tòa án xét xử.

Người bị kiện là Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B do ông …..trình bày:

Ngày 01/01/2014, công ty T-B ký hợp đồng mua bán số 165 với Công ty Trường An về việc mua xi măng Xuân Thành CPC 40. Quá trình mua bán Công ty T-B đã thanh toán cho Công ty Trường An số tiền là 1.864.029.800 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm đồng).

Về yêu cầu khởi kiện của Công ty Trường An về việc yêu cầu Công ty T-B thanh toán khoản nợ gốc là 1.864.029.800 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm đồng) và nợ lãi là 433.386.928 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng), Công ty T-B có ý kiến như sau:

Về khoản nợ gốc: Công ty T-B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trường An trong thời hạn 24 tháng.

Về khoản nợ lãi: Công ty T-B hiện nay đang rất khó khăn nên đề nghị Công ty Trường An miễn toàn bộ khoản nợ lãi nêu trên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2017/KDTM-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CÔng ty TNHH Trường An, yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng T-B thanh toán tiền còn thiếu theo hợp đồng với tổng số tiền là 1.893.366.601 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm linh một đồng) trong đó số tiền lãi là

29.336.801 đồng (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm linh một đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trường An về khoản lãi suất 404.050.127 đồng (bốn trăm linh bốn triệu, không trăm năm mươi triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Về án phí: Buộc Công ty T-B phải nộp 68.800.998 đồng (sáu mươi tám triệu, tám trăm nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty Trường An phải nộp án phí đối với khoản tiền không được chấp nhận là 20.162.005 đồng (Hai mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm linh năm đồng)

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 25/8/2017 người khởi kiện Công ty Trường An đã nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến lãi suất chậm trả và án phí dân sự sơ thẩm và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty T-B phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng số 169 và hợp đồng số 165 với tổng số tiền là: 2.297.416.728 đồng (Hai tỷ, hai trăm chín bảy triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng) và đề nghị…..(án phí)

Người bị kiện……..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Xét kháng cáo của người khởi kiện……

……
……
……

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Ngày 06/06/2017, Công ty Trường An nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T-B thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng số 169 ngày 01/10/2013 và hợp đồng số 165 ngày 01/4/2014 giữa Công ty Trường An và Công ty T-B.

Công ty TNHH Trường An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/7/2006.

Công ty T-B được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/5/2009.

Khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận". Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" là đúng pháp luật và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu: Tài liệu, hồ sơ thể hiện các bên đương sự không có bất kỳ yêu cầu nào về áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án nên Tòa án không xét về thời hiệu khởi kiện vụ án theo quy định tại khoản 2 điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của người khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, thấy:

Theo hợp đồng mua bán số 169 được ký kết ngày 02/10/2013 giữa Công ty Trường An với Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B, theo đó: Công ty Trường An bán cho Công ty T-B Xi măng Xuân Thành rời PCB40, xi măng Tam Điệp rời PCB40.

Giá cả: Giá Xi măng Xuân Thành rời PCB40, sản lượng trong tháng < 1.500 tấn: giá 1.070.000 đồng/tấn, sản lượng trong tháng từ 1.500 tấn trở lên: 1.060.000 đồng. Xi măng Tam Điệp rời PCB 40: mức 1.500 tấn trở lên giá 1.090.000 đồng/tấn. Ngoài ra, hợp đồng có quy định thời hạn thanh toán, nếu quá thời hạn thanh toán mà bên B không thanh toán cho bên A thì tính lãi suất 1,5% trên tổng số dư nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng cụ thể như sau:

- Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001211 ngày 31/10/2013, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 11,478.950 tấn xi măng Xuân Thành và xi măng Tam Điệp với tổng số tiền là: 1.582.476.115 đồng.
- Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001697 ngày 30/11/2013, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 1,201.100 tấn xi măng Tam Điệp với số tiền là: 1.292.667.000 đồng.
- Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0002484 ngày 31/12/2013, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 293,190 tấn xi măng Tam Điệp và xi măng Xuân Thành với tổng số tiền là 309.396.300 đồng.

Như vậy, tổng số tiền theo hợp đồng số 169 mà Công ty T-B phải thanh toán cho Công ty Trường An là: 1.582.476.115 + 1.292.667.000 + 309.396.300 = 3.184.539.415 đồng.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 giữa hai công ty thể hiện: Đến hết ngày 21/12/2013 Công ty T-B còn nợ công ty Trường An số tiền là 1.589.539.800 đồng. Như vậy, Công ty T-B đã thanh toán được cho Công ty Trường An số tiền là 1.594.999.615 đồng.

Ngày 01/01/2014 Công ty TNHH Trường An ký với Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B hợp đồng mua bán số 165, theo đó: Công ty Trường An bán cho Công ty T-B Xi măng Xuân Thành rời PCB40, được sản xuất theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã đăng ký.

Về giá cả: Thay đổi tùy mức sản lượng theo thực tế mua hàng. Giá xi măng Xuân Thành rời PCB40: 1.000.000 đồng/tấn (đã bao gồm VAT và chi phí vận chuyển).

Quá trình thực hiện hợp đồng cụ thể như sau:

Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0003260 ngày 31/3/2014, Công ty Trường An bán cho Công ty T-B 624.490 tấn xi măng rồi PCB40 với tổng số tiền là 624,490,063 đồng.

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/4/2014 giữa Công ty Trường An và Công ty T-B thể hiện: Đến hết ngày 31/3/2014 Công ty T-B còn nợ Công ty Trường An số tiền là 1.864.029.800 đồng.

Tại bản khai ngày 12/7/2017, ông Võ Thanh Bình – đại diện theo pháp luật Công ty T-B xác nhận Công ty T-B còn nợ của Công ty Trường An số tiền là 1.864.029.800 đồng. Việc Công ty T-B xác nhận khoản nợ như trên cũng trùng với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trường An về việc khởi kiện yêu cầu Công ty T-B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.864.029.800 đồng. Như vậy, Công ty Trường An khởi kiện yêu cầu Công ty T-B thanh toán tiền nợ gốc theo hai hợp đồng mua bán với số tiền là 1.864.029.800 đồng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trường An là phù hợp quy định của pháp luật.

Về yêu cầu tính lãi suất, thấy:

Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu số tiền lãi suất tính từ ngày 01/4/2014 đến ngày 01/11/2016 (31 tháng) với mức lãi suất là 9%/năm theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản, cụ thể: 1.864.029.800 x 0,75 x 31 = 433.386.928 đồng. Tại bản án sơ thẩm chấp nhận phần lãi suất là 29.336.801 đồng nên số tiền lãi còn lại mà Công ty Trường An yêu cầu Công ty T-B phải thanh toán là 133.386.928 đồng – 29.336.801 đồng = 404.050.127 đồng. Xét yêu cầu này của Công ty Trường An thấy:

Tại điều 3, mục 3.2 hợp đồng số 169, các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 1,5% trên tổng dư nợ. Theo đó, mức lãi suất chậm trả mà Công ty T-B phải trả cho Công ty Trường An theo hợp đồng số 169 là 1.589.539.800 x 1,5% = 23.843.097 đồng

Tại điều 3, mục 3.2 hợp đồng số 165, các bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 2% trên tổng dư nợ. Theo đó, mức lãi suất chậm trả mà Công ty T-B phải trả cho Công ty Trường An theo hợp đồng số 165 là 274.490.000 x 2% = 5.489.800 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi công ty T-B phải thanh toán cho Công ty Trường An là 23.843.097 + 5.489.800 = 29.332.897 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đủ căn cứ để xác định Công ty T-B phải thanh toán số tiền nợ gốc cho Công ty Trường An **là 1.864.029.800 đồng** và số tiền lãi là **29.332.897 đồng.**

Điều 4 Bộ luật dân sự 2005 quy định: Trong quan hệ dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được áp đặt, cấm đoán, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào. Cam kết, thỏa thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng.

Người khởi kiện kháng cáo cho rằng thỏa thuận về lãi suất chậm trả của các bên trong hợp đồng là không rõ ràng, không xác định được cách thức áp dụng lãi suất tính trên tổng dư nợ được tính trên một tháng, một năm hay cho cả thời gian vi phạm và yêu cầu tính lãi suất là 9%/năm theo Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên Công ty T- B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty Trường An còn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần lãi không được Tòa án chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Bác kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An và giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2017/KDTM-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Căn cứ: Điều 4; Điều 428 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50 Luật thương mại 2005; Các điều: 5,30,37,184, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trường An về việc đề nghị áp dụng mức lãi suất cơ bản 9%/năm để tính lãi suất chậm trả mà Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An và Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng T-B thanh toán cho công ty Trường An số tiền nợ gốc là 1.864.029.800 (Một tỷ tám trăm sáu mươi tư triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm) đồng và số tiền lãi là 29.332.897 (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi bảy) đồng.

2. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An phải chịu 20.202.701 (Hai mươi triệu hai trăm linh hai nghìn bảy trăm linh một) đồng án phí đối với yêu cầu về trả lãi không được chấp nhận, đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0007435 ngày 19/6/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, công ty Trách nhiệm hữu hạn Trường An còn phải nộp 1.702.701 (Một triệu bảy trăm linh hai nghìn bảy trăm linh một) đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường An phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007627 ngày 08/9/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/12/2017.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội
- TAND Q. Ba Đình;
- Cơ quan THADS Q. Ba Đình;
- Các đương sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nga